TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HS-ST
Ngày: 23-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn.

2. Ông Nguyễn Thanh Văn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phương B, sinh năm 1989, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã HT, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh Nhanh và bà Đinh Thị Nga (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05-01-2023 đến ngày 21-02-2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh.

2. Nguyễn Thành S, sinh năm 1992, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố 3, phường 1, thành phố TN, tỉnh TN; nơi tạm trú: ấp Đá Hàng, xã HT, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Trung và bà Trần Mộng Huyền; vợ: Đỗ Thị Bích Ngọc (đã ly hôn), con: có 01 người; tiền án: không có (vì đã được xóa); tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

Nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện GD xử phạt 01 năm 06 thàng tù về tội "Tổ chức đánh bạc".

3. Lê Tấn T, tên gọi khác: Trắng; sinh năm 1994; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã HT, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn Đạt (đã chết) và bà Trần Thị Ngọc Hà; vợ: Huỳnh Tố Nga, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

4. Huỳnh T1, sinh năm 1999, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp Tân Thuận, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Lửa và bà Phùng Thị Dung; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

5. Lê T2, sinh năm 1994, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã HT, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Trung và bà Lê Thị Chơ; vợ: Nguyễn Thị Trúc Tiên, con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

6. Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1995, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã HT, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Nhanh và bà Đinh Thị Nga (đã chết); vợ: Lê Thị Hường, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

7. Nguyễn Văn N, sinh năm 1999, tại tỉnh TN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố RS, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thảo và bà Trần Thị Liên; vợ: Nguyễn Thị Thúy Quyên, con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 18-9-2022, Lê Tấn T mang theo 01 con gà cùng với Huỳnh T1 đến nhà của Nguyễn Phương B và Nguyễn Thanh T3 (em của B) thuộc ấp C, xã HT, huyện GD, để B cáp kèo đá gà thắng thua bằng tiền. B gọi điện thoại rủ Nguyễn Thành S cùng với Nguyễn Văn N mang theo 01 con gà đến nhà của B để đá với gà của T. Tại đây, B lấy cân đồng hồ cân 02 con gà, rồi đưa cho T và N mỗi người 01 cuộn băng keo để băng cựa sắt vào chân gà. Lúc này, Lê T2 sửa xe gần nhà của B nhìn thấy nên đến tham gia cá cược.

Sau khi cân gà và băng cựa, B kêu đem gà đến bãi đất trống gần nhà, rồi B làm trọng T cho gà của N đá với gà của T, số tiền cược mỗi bên 3.000.000 đồng, tỷ lệ cược 10 ăn 10 và bên thắng sẽ trả tiền công cho B 150.000 đồng. Bên gà của N gồm: N và S mỗi người hùn 1.500.000 đồng; còn bên gà của T gồm: T hùn 1.100.000 đồng, T3 hùn 300.000 đồng, T1 hùn 1.100.000 đồng và T2 hùn 500.000 đồng. Sau khi thống nhất số tiền cá cược, B làm trọng T cho hai bên chủ gà thả gà ra đá, nếu gà nào bỏ chạy hoặc chết thì thua. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi B đang làm trọng T cho 02 con gà nói trên đá với nhau nhưng chưa có kết quả thì bị Công an xã HT bắt quả tang.

Quá trình điều tra, B, S, T, T1, T2, T3, Nhã đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; T, T1, T2, T3, Nhã phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 02 (hai) cặp cựa sắt, 01 (một) cân đồng hồ lại 02 kg, 04 (bốn) cuộn băng keo đã qua sử dụng.

Về kê biên T sản: B không có sở hữu T sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSGD ngày 19-4-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN truy tố các bị cáo Nguyễn Phương B, Nguyễn Thành S, Lê Tấn T (Trắng), Huỳnh T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn Nhũ về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phương B, Nguyễn Thành S, Lê Tấn T (Trắng), Huỳnh T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn Nhũ phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương B từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Tấn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Huỳnh T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Lê T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc các bị cáo nộp lại số tiền 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện GD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau: Quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các T liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Lúc 10 giờ ngày 18-9-2022, tại bãi đất trống thuộc ấp C, xã HT, huyện GD, Nguyễn Phương B có hành vi cung cấp cân đồng hồ, băng keo và làm trọng T tổ chức cho Nguyễn Thành S, Lê Tấn T, Huyện T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn N tham gia cá cược trong trận đá gà với số tiền dùng để đánh bạc 6.000.000 đồng thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo do muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công lao động cực khổ, nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

- Bị cáo Nguyễn Phương B là người trực tiếp cung cấp cân đồng hồ, băng keo và làm trọng T nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Thành S từng bị Tòa án nhân dân huyện GD xử phạt về tội "Đánh bạc" (đã xóa án tích), không biết ăn năn, hối cải mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo B nhưng cao hơn các bị cáo còn lại.

- Các bị cáo Lê Tấn T, Huỳnh T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn N có số tiền dùng vào việc đánh bạc thấp nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau và sau cùng.

[5] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể như sau:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo T, T1, T2, T3, N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có T sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (hai) cặp cựa sắt, 01 (một) cân đồng hồ lại 02 kg, 04 (bốn) cuộn băng keo đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị kinh tế nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền 6.000.000 (*sáu triệu*) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Buộc bị cáo N nộp lại 1.500.000 đồng, bị cáo S nộp lại 1.500.000 đồng, bị cáo T nộp lại 1.100.000 đồng, bị cáo T3 nộp lại 300.000 đồng, bị cáo T1 nộp lại 1.100.000 đồng, bị cáo T2 nộp lại 500.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Phương B, Nguyễn Thành S, Lê Tấn T (Trắng), Huỳnh T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn N là

người bị kết án, nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phương B, Nguyễn Thành S, Lê Tấn T (Trắng), Huỳnh T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn N phạm tội "Đánh bạc".

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương B 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Tấn T (Trắng) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Giao các bị cáo Nguyễn Phương B, Nguyễn Thành S, Lê Tấn T (Trắng), Lê T2, Nguyễn Thanh T3 cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện GD, tỉnh TN; giao bị cáo Nguyễn Văn Nhũ cho Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN; giao bị cáo Huỳnh T1 cho Ủy ban nhân dân xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh TN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo B, S, T (Trắng), T1, T2, T3, N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) cặp cựa sắt, 01 (một) cân đồng hồ lại 02 kg, 04 (bốn) cuộn băng keo đã qua sử dụng.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30-12-2022).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N nộp lại 1.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thành S nộp lại 1.500.000 đồng, bị cáo Lê Tấn T (Trắng) nộp lại 1.100.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh T3 nộp lại 300.000 đồng, bị cáo Huỳnh T1 nộp lại 1.100.000 đồng, bị cáo Lê T2 nộp lại 500.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Các bị cáo Nguyễn Phương B, Nguyễn Thành S, Lê Tấn T (Trắng), Huỳnh T1, Lê T2, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TN;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh TN;
- Phòng lý lịch STP tỉnh TN;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Công an huyện GD (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện GD;
- CC THADS h. GD;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TN;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh TN;
- Phòng lý lịch STP tỉnh TN;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Công an huyện GD (02 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Nhà tạm giữ công an huyện GD;
- CC THADS h. GD;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

Trần Thanh Vũ